

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 154/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 5 - 2021
V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Diễn

Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B: Bà Trần Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 27/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 339/2021/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/4/2021 và thông báo dời lịch số 65/TB-TA ngày 04/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 14/3, khu phố L, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Huỳnh Công T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 106, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà N, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Huỳnh Công T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện, không bị ai đe dọa, cưỡng ép. Chúng tôi sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, ông T hay nhậu về khuya, không có trách nhiệm với gia đình, đánh đập hành hạ tôi nhiều lần không thương tiếc. Chúng tôi đã ly thân từ tháng 01 năm 2021 đến nay, ông T đã chuyển về nhà bố mẹ ông sống, mẹ con tôi ở tại nhà bố mẹ tôi. Mâu thuẫn giữa chúng tôi ngày một trầm trọng, tôi bị tổn thương về tinh thần lẫn thể xác. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn xin ly hôn với ông Huỳnh Công T.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên Huỳnh Gia B, sinh ngày 17/4/2003 và Huỳnh Minh T, sinh ngày 24/4/2015.

Ly hôn, tôi đề nghị được là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Công T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Nguyễn Ngọc N xây dựng gia đình với nhau vào năm năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện, không bị ai đe dọa, cưỡng ép. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi hạnh phúc thời gian đầu, đến tháng 4/2020 thường xuyên cãi vã nhau về những chuyện như không căn cơm cùng nhau mà tự ai nấy ăn, lúc đó tôi nóng quá có tát bà N và tôi bỏ về nhà mẹ ruột tôi ở từ ngày 10/01/2021 đến nay. Hiện vợ chồng tôi sống ly thân từ đây, vợ và 02 con chung vẫn ở nhà 14/3, khu phố L, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Sau khi tôi đi thì tôi cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Nay bà Nguyễn Ngọc N làm đơn ly hôn tôi không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với bà.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên Huỳnh Gia B, sinh ngày 17/4/2003 và Huỳnh Minh T, sinh ngày 24/4/2015. Vì không đồng ý ly hôn nên tôi không có ý kiến gì về con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những tham gia tố tụng: Thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Ngọc N, cho bà Nguyễn Ngọc N được ly hôn với ông Huỳnh Công T; Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Gia B, sinh ngày 17/4/2003 và Huỳnh Minh T, sinh ngày 24/4/2015. Do hai cháu B và T còn nhỏ, chưa trưởng thành, đang sống với bà N, cháu B cũng có nguyện vọng ở với bà N nên giao hai cháu cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc N phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Huỳnh Công T hiện cư trú tại địa bàn thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông T, bà N nhưng ông bà có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành đưa vụ án xét xử vắng mặt đối với ông T, bà N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc N và ông Huỳnh Công T chung sống với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện,

không bị ai đe dọa, cưỡng ép nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Quá trình chung sống theo bà Nguyễn Ngọc N trình bày vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, ông T hay nhậu về khuya, không có trách nhiệm với gia đình, đánh đập hành hạ bà nhiều lần không thương tiếc. Ông bà đã ly thân từ tháng 01 năm 2021 đến nay, ông T đã chuyển về nhà bố mẹ ông sống, mẹ con bà ở tại nhà bố mẹ ruột bà. Mâu thuẫn giữa ông bà ngày một trầm trọng, bà bị tổn thương về tinh thần lẫn thể xác nên xin được ly hôn với ông T.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Ngọc N và ông Huỳnh Công T theo bà Nguyễn Ngọc N trình bày là có thật, thể hiện ông T cũng thừa nhận từ tháng 4/2020 đến nay hai vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau về những chuyện không ăn cơm cùng nhau mà tự ai nấy ăn, lúc cãi nhau nóng quá ông có tát bà N và ông bỏ về nhà mẹ ruột ở từ ngày 10/01/2021 và vợ chồng sống ly thân từ đấy, vợ và 02 con chung vẫn ở nhà 14/3, khu phố L, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà N, ông T đã thật sự trầm trọng không thể hàn gắn, ông bà đã sống ly thân, trong thời gian giải quyết tại Tòa, Tòa án đã nhiều lần hàn gắn đoàn tụ cho ông bà nhưng không thành, bà N cương quyết ly hôn. Căn cứ vào các điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Ngọc N, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Công T là phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc Nhung và Huỳnh Công T có 02 con chung tên Huỳnh Gia B, sinh ngày 17/4/2003 và Huỳnh Minh T, sinh ngày 24/4/2015. Quá trình giải quyết vụ án ông T không có ý kiến gì về con chung. Bà N có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiện hai con chung đang ở với bà N và các cháu đang ở độ tuổi còn nhỏ, cái độ tuổi cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, cháu B có nguyện vọng được ở với mẹ. Để tạo điều kiện cho hai cháu có môi trường sống thuận lợi, ổn định để phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần, thiết nghĩ nên giao hai con chung cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật. Tạm thời ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Theo trình bày của bà Nguyễn Ngọc N và ông Huỳnh Công T là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Ngọc N đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số 0000122 ngày 03/02/2021, bà Nguyễn Ngọc N đã nộp xong.

[7] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nên được xem xét trong quá trình nghị án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng các điều 51, 54, 56, 57, 58; 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Ngọc N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc N được ly hôn với ông Huỳnh Công T.

Về con chung: Giao cháu Huỳnh Gia B, sinh ngày 17/4/2003 và Huỳnh Minh T, sinh ngày 24/4/2015 cho bà Nguyễn Ngọc N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, tạm thời ông Huỳnh Công T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Ngọc N đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số 0000122 ngày 03/02/2021, bà Nguyễn Ngọc N đã nộp xong.

Bà Nguyễn Ngọc N và ông Huỳnh Công T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Thành phố B;
- THADS Thành phố B;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quyên

Hội thẩm nhân dân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- Tòa án tỉnh Đồng Nai
- VKS TP Biên Hòa
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quyên